

(Từ ngày 10 tháng 11 đến 16 tháng 11 năm 2025)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																	Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần			
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7				CN		
							Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà			Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng-Nhà
1	DH	17	2025IME6096001	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	19																Vũ Đình Toàn	TTTTNCK					
2	DH	17	2025IME6096002	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	16																	Nguyễn Văn Đức	TTTTNCK				
3	DH	17	2025IME6113001	Thực hành CNC	CL	25	1~6	110-A9	9/10														Đào Ngọc Hoàng	TTTTNCK				
4	DH	17	2025IME6113002	Thực hành CNC	CL	27	1~6	102-A10	9/10														Nguyễn Mai Anh	TTTTNCK				
5	DH	17	2025IME6113003	Thực hành CNC	CL	25	7~12	110-A9	9/10														Nguyễn Mai Anh	TTTTNCK				
6	DH	17	2025IME6113004	Thực hành CNC	CL	25	7~12	102-A10	9/10														Trần Ngọc Tấn	TTTTNCK				
7	DH	17	2025IME6113006	Thực hành CNC	CL	25				7-12	110-A9	9/10											Nguyễn Văn Quyết	TTTTNCK				
8	DH	17	2025IME6113007	Thực hành CNC	CL	25				13-17	110-A9	9/10											Vũ Đình Toàn	TTTTNCK				
9	DH	17	2025IME6113008	Thực hành CNC	CL	26				13~17	102-A10	9/10											Trần Ngọc Tấn	TTTTNCK				
10	DH	17	2025IME6113010	Thực hành CNC	CL	25											7~12	102-A10	10/10				Vũ Đình Toàn	TTTTNCK				
11	DH	17	2025IME6113011	Thực hành CNC	CL	26											7~12	110-A9	10/10				Đào Ngọc Hoàng	TTTTNCK				
12	DH	17	2025IME6038004	Thực hành gia công tu lèn điện	CL	31				1~6	101-A10	9/10											Nguyễn Mai Anh	TTTTNCK				
13	DH-KS	3	2025IME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	2	20																	Vũ Đình Toàn	Khoa CNCK				
14	DH-KS	3	2025IME6175001	Gia công cắt gọt cao tốc	2	28																	Nguyễn Văn Quyết	Khoa CNCK				
15	DH-KS	3	2025IME6167001	Hệ thống đo lường tự động trong chế tạo cơ khí	1	55																						
16	DH-KS	3	2025IME6167001	Hệ thống đo lường tự động trong chế tạo cơ khí	2	55																		Nguyễn Duy Trinh	Khoa CNCK			
17	DH-KS	3	2025IME6172001	Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và tích hợp CIM	2	34																		Trịnh Văn Long	Khoa CNCK			
18	DH-KS	3	2025IME6168001	Thiết kế và phân tích thực nghiệm	1	27																		Đỗ Đức Trung	Khoa CNCK			
19	DH-KS	3	2025IME6168001	Thiết kế và phân tích thực nghiệm	2	28	13,14,15,16,17	310-A10	4/5															Đỗ Đức Trung	Khoa CNCK			
20	DH-KS	3	2025IME6170001	Ứng dụng phần tử hữu hạn trong kỹ thuật cơ khí	2	35																		Nguyễn Văn Luật	Khoa CNCK			
21	DH	19	2025IME6014002	Dạng sai và kỹ thuật đo	1	22	1,2,3,4,5,6	306-A10	3/5															Trần Ngọc Tấn	Khoa CNCK			
22	DH	19	2025IME6014002	Dạng sai và kỹ thuật đo	2	22	7,8,9,10,11,2	306-A10	3/5															Nguyễn Trọng Lý	Khoa CNCK			
23	DH	19	2025IME6014002	Dạng sai và kỹ thuật đo	3	22	7,8,9,10,11,2	305-A10	3/5															Nguyễn Đức Luân	Khoa CNCK			
24	DH	19	2025IME6014003	Dạng sai và kỹ																								

72	DH	17	20251AT6052003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23								1-6	408-A10	10/15														Nguyễn Xuân Tuấn	THHTNOT	
73	DH	17	20251AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22											1-6	409-A10	10/15											Bùi Văn Hải	THHTNOT	
74	DH	17	20251AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22														1-6	408-A10	1/15								Nguyễn Thành Vinh	THHTNOT	
75	DH	17	20251AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22	7-12	409-A10	10/15																					Lê Đình Mạnh	THHTNOT	
76	DH	17	20251AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22			7-12	404-A10	10/15																			Ngô Quang Tào	THHTNOT	
77	DH	17	20251AT6052008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22						7-12	404-A10	10/15																Chu Đức Hùng	THHTNOT	
78	DH	17	20251AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22								7-12	408-A10	10/15														Trình Đức Phong	THHTNOT	
79	DH	17	20251AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				13-18	404-A10	10/15																		Lê Duy Long	THHTNOT	
80	DH	17	20251AT6052014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22						13-18	404-A10	10/15																Lê Đình Mạnh	THHTNOT	
81	DH	17	20251AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23														13-18	404-A10	10/15								Nguyễn Thế Anh	THHTNOT	
82	DH	17	20251AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23			1-6	418-A10	10/15																			Nguyễn Thành Bắc	THHTNOT	
83	DH	17	20251AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23			7-12	419-A10	10/15																			Nguyễn Trung Kiên	THHTNOT	
84	DH	17	20251AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22								1-6	403-A10	10/15														Ngô Quang Tào	THHTNOT	
85	DH	17	20251AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23			1-6	403-A10	10/15																			Nguyễn Xuân Khoa	THHTNOT	
86	DH	17	20251AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23								7-12	418-A10	10/15														Lê Hữu Chúc	THHTNOT	
87	DH	17	20251AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23											7-12	418-A10	10/15											Chu Đức Hùng	THHTNOT	
88	DH	17	20251AT6057011	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23	13-18	403-A10	10/15																					Nguyễn Thành Bắc	THHTNOT	
89	DH	17	20251AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23				13-18	418-A10	10/15																		Chu Đức Hùng	THHTNOT	
90	DH	17	20251AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23						13-18	418-A10	10/15																Lê Đình Đạt	THHTNOT	
91	DH	17	20251AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23								13-18	418-A10	10/15															Lê Đình Mạnh	THHTNOT
92	DH	17	20251AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23																	7-12	419-A10	10/15					Nguyễn Thành Vinh	THHTNOT	
93	DH	17	20251AT6057017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23														13-18	419-A10	10/15								Nguyễn Trung Kiên	THHTNOT	
94	DH	19	20251AT6070001	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	22	7-12	419-A10	10/10																					Nguyễn Thành Vinh	THHTNOT	
95	DH	19	20251AT6070002	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	20						7-12	419-A10	10/10																	Đoàn Công Thành	THHTNOT
96	DH	19	20251AT6070003	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	23								7-12	419-A10	10/10															Lê Đình Mạnh	THHTNOT
97	CD	27	2025ME5032002	Vẽ kỹ thuật	1	22											1,2,3,4,5	A10-511	3/6											Vũ Thị Huệ	Khoa KTCs	
98	CD	27	2025ME5032006	Vẽ kỹ thuật	1	22			7,8,9,10,11	512-A10	4/6																			Vũ Thị Huệ	Khoa KTCs	
99	CD	27	2025ME5032001	Vẽ kỹ thuật	3	28						1,2,3,4,5	A10-511	1/6																Vũ Thị Huệ	Khoa KTCs	
100	DH	19	2025ME6042001	BTL VKT	1	61						8,9,10,11	B3-303	45689																Vũ Thị Huệ	Khoa KTCs	
101	DH	19	2025ME6042002	BTL VKT	1	56						1,2,3	B3-303	1/3																Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCs	
102	DH	19	2025ME6042004	BTL VKT	1	68						4,5,6	B3-303	1/3																Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCs	
103	CD	27	2025ME5032010	Vẽ kỹ thuật	2	22											1,2,3,4,5	A10-512	3/6											Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCs	
104	CD	27	2025ME5032010	Vẽ kỹ thuật	2	22																									Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCs
105	CD	27	2025ME5032013	Vẽ kỹ thuật	2	22											7,8,9,10,11	A10-511	45811												Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCs
106	CD	27	2025ME5032013	Vẽ kỹ thuật	2	22						1,2,3,4,5	A10-511	45810																	Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCs
107	CD	27	2025ME5032004	Vẽ kỹ thuật	3	22						7,8,9,10,11	A10-511	1/6																	Nguyễn Thị Thanh Mai	Khoa KTCs
108	CD	27	2025ME5032005	Vẽ kỹ thuật	1	22						1,2,3,4,5	512-A10	6/6																	Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCs
109	CD	27	2025ME5032005	Vẽ kỹ thuật	2	22											1,2,3,4,5	A10-614	6/6												Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCs
110	CD	27	2025ME5032012	Vẽ kỹ thuật	2	24						1,2,3,4,5	A10-512	04-Jun																	Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCs
111	CD	27	2025ME5032012	Vẽ kỹ thuật	1	24						7,8,9,10,11	A10-512	45813																	Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCs
112	CD	27	2025ME5032014	Vẽ kỹ thuật	2	24											1,2,3,4,5	A10-511	4/6												Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCs
113	CD	27	2025ME5032011	Vẽ kỹ thuật	3	24														7,8,9,10,11	A10-614	5/6									Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCs
114	CD	27	2025ME5032013	Vẽ kỹ thuật	3	22											7,8,9,10,11	A10-512	45811												Phạm Ngọc Linh	Khoa KTCs
115	CD	27	2025ME5032003	Vẽ kỹ thuật	1	22						1,2,3,4,5	208-A10	5/6																	Phạm Thị Minh Huệ	Khoa KTCs
116	CD	27	2025ME5032004	Vẽ kỹ thuật	1	22				1,2,3,4,5	A10-511	2/6																			Phạm Thị Minh Huệ	Khoa KTCs
117	CD	27	2025ME5032003	Vẽ kỹ thuật	2	21			7,8,9,10,11	A10-511	3/6																				Phạm Thị Minh Huệ	Khoa KTCs
120	CD	27	2025ME5032012	Vẽ kỹ thuật	3	21								7,8,9,10,11	A10-511	5/6															Phạm Thị Minh Huệ	Khoa KTCs
121	CD	27	2025ME5032003	Vẽ kỹ thuật	3	22						1,2,3,4,5	A10-610	3/6																	Nguyễn Văn Tài	Khoa KTCs
122	CD	27	2025ME5032007	Vẽ kỹ thuật	1	24														1,2,3,4,5	A10-707	02-Jun									Nguyễn Văn Tài	Khoa KTCs
123	CD	27	2025ME5032004	Vẽ kỹ thuật	2	23				7,8,9,10,11	A10-607	45809	7,8,9,10,11	A10-708	2/6																Hoàng Xuân Tài	Khoa KTCs
124	DH	19	2025ME6024006	Lý thuyết cơ cấu	2	24						7,8,9,10,11,12	501A10	2/3																	Hoàng Xuân Khoa	Khoa KTCs
125	DH	19	2025ME6024007	Lý thuyết cơ cấu	3	24											1,2,3,4,5,6	501A10	2/3												Hoàng Xuân Khoa	Khoa KTCs
126	DH	19	2025ME6024017	Lý thuyết cơ cấu	3	22				7,8,9,10,11,12	501-a10	1/3																			Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCs
127	DH	19	2025ME6024021	Lý thuyết cơ cấu	1	24											7,8,9,10,11,12	501A10	1/3												Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCs
128	DH	19	2025ME6024021	Lý thuyết cơ cấu	2	24											13,14,15	501A10	2/3												Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCs
129	DH	19	2025ME6024014	Lý thuyết cơ cấu	3	22											7,8,9,10,11,12	501-A10	2/3												Bùi Tiến Tài	Khoa KTCs
130	DH	19	2025ME6024014	Lý thuyết cơ cấu	3	22											13,14,15	106-A9	3/3												Bùi Tiến Tài	Khoa KTCs
	DH	19	2025ME6024005	Lý thuyết cơ cấu	3	23								7,8,9,10,11,12	503A10	1/3															Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCs
	DH	19	2025ME6024005	Lý thuyết cơ cấu	3	23								13,14,15	503A10	2/3															Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa KTCs
131	DH	19	2025ME6050003	NL-CTM	1	22				7,8,9,10,11,12	106-A9	1/3																			Bùi Tiến Tài	Khoa KTCs
132	DH	19	2025ME6050003	NL-CTM	1	22				13,14,15	106-A9	2/3																			Bùi Tiến Tài	Khoa KTCs
133	CD	27	2025ME5046003	CKT	3	24														1,2,3,4,5	106-A9	1/3									Trần Thị Thu Thủy	Khoa KTCs

[illegible]